

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS
năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	Số m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	1.22
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	08	0.06
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	0.03
7	Bình quân lớp/phòng học	1.5	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45.5	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.874	7.07
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.300	1.97
VI	Tổng diện tích các phòng	2806	1.67
1	Diện tích phòng học (m ²)	2108	1.22
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	109	0.06
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	72	0.04
4	Diện tích thư viện (m ²)	24	0.01
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	300	0.21
6	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	243	0.14
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	0.12
1	Tổng số TBDH tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	0.03
1.2	Khối lớp 7	1	0.03
1.3	Khối lớp 8	1	0.03
1.4	Khối lớp 9	1	0.03
2	Tổng số TBDH tối thiểu còn thiếu so với quy định	04	0.03
2.1	Khối lớp 6	1	0.03
2.2	Khối lớp 7	1	0.03
2.3	Khối lớp 8	1	0.03



STT	Nội dung		Số lượng	Bình quân		
2.4	Khối lớp 9		1	0.03		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		600	0.41		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		73	0.05		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		02	0.06		
2	Cát xét		09	0.18		
3	Đầu Video/đầu đĩa		01	0.03		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		40	1.029		
5	Bảng tương tác thông minh		01	0.03		
6	Sách giáo khoa điện tử		01	0.03		
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	70				
XI	Nhà ăn	230				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho HS bán trú	1/300	0	0		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho HS		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8		26		0.22
2	Chưa đạt chuẩn VS*					
	Nội dung			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XVII	Kết nối internet (ADSL)			x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIX	Tường rào xây			x		

Thanh Liệt, ngày 07 tháng 09 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Mai Hương

